

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG ĐIỂM

Biểu a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO
NĂM 2023 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2023					So với năm 2022 (%)
		Số lượng	Kinh phí	Trong đó			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động	
A	Năm 2023						
I	Chính sách giảm nghèo chung						
1	Giáo dục - Đào tạo (Cấp bù học phí, hỗ trợ đóng học phí...)						
	- Cấp bù học phí						
	- Hỗ trợ chi phí học tập	24	24,9	24,9			
	- Hỗ trợ khác						
2	Bảo hiểm y tế						
a	Cấp thẻ Bảo hiểm y tế	2.365	1.069.008	1.069.008			
	+ Hộ nghèo	81	65.172	65.172			
	+ Hộ cận nghèo	210	168.966	168.966			
	+ Hộ thu nhập trung bình	2.074	834.870	250.461	166.974		
b	Hỗ trợ Khám chữa bệnh						
3	Hỗ trợ làm nhà ở	10	550	550			
4	Trợ giúp pháp lý						
5	Tiền điện hộ nghèo	362	61.271		61.271		
6	Chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh						
-	Nghị quyết 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	3	8.040		8.040		
-	Nghị quyết 106/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh						

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2023					So với năm 2022 (%)
		Số lượng	Kinh phí	Trong đó			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động	
II	Hỗ trợ vay vốn ưu đãi						
B	6 tháng đầu năm 2024						
I	Chính sách giảm nghèo chung						
1	Giáo dục - Đào tạo (Cấp bù học phí, hỗ trợ đóng học phí...)						
	- Cấp bù học phí						
	- Hỗ trợ chi phí học tập	13	9.750	9.750			
	- Hỗ trợ khác						
2	Bảo hiểm y tế						
a	Cấp thẻ Bảo hiểm y tế						
	+ Hộ nghèo	69	67.068	65.190.096			
	+ Hộ cận nghèo	164	159.408	159.408			
	+ Hộ thu nhập trung bình	756	367.416	110.225	73.483,20		
b	Hỗ trợ Khám chữa bệnh						
3	Hỗ trợ làm nhà ở	1	70				
4	Trợ giúp pháp lý						
5	Tiền điện hộ nghèo	73	12.320		12.320		
6	Chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh						
-	Nghị quyết 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	3	4.020	4.020			
-	Nghị quyết 106/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh						
II	Hỗ trợ vay vốn ưu đãi						

.....ngày tháng năm

Người lập

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**TỔNG HỢP HỖ TRỢ THU NHẬP CHO THÀNH VIÊN HỘ NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 72/2022-NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT 106/2023
NĂM 2023 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

Biểu b

TT	Xã, thị trấn	Thành viên hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng						Người cao tuổi đơn thân thuộc hộ nghèo, không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng				Thành viên hộ nghèo thuộc chính sách BTXH		Tổng	
		Người từ đủ 60 tuổi trở lên		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Từ 60 đến 80 tuổi		Từ đủ 80 tuổi trở lên		Người	Tiền	Người	Tiền
		Người	Tiền	Người	Tiền	Người	Tiền	Người	Tiền	Người	Tiền				
A	NĂM 2023														
	Quang Diệm	0	0	0	0	0	0	2	5.040.000	0	0	1	3.000.000	3	8.040.000
B	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024														
	Quang Diệm	0	0	0	0	0	0	2	2.520.000	0	0	1	1.500.000	3	4.020.000

.....ngày tháng năm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Người lập

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

A NĂM 2023

Biểu 01

TT	ĐƠN VỊ, THỜI GIAN	1. Nguồn vốn huy động															2. Kết quả giải ngân																				
		Năm 2023															Năm 2023																				
		Tổng cộng	Nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023					Nguồn bổ trí năm 2023					Tổng nguồn huy động năm 2023					Tổng cộng	Nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023					Nguồn bổ trí năm 2023					Tổng nguồn giải ngân năm 2023								
			Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác		Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32				
	TỔNG CỘNG																																				
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	200,2	200,2	182,0	13,0	5,2	0,0							200,2	182,0	13,0	5,2	0,0	0,0	200,2	200,2	182,0	13,0	5,2						200,2	182,0	13,0	5,2				
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0																		
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	152,9	139,0	9,75	4,15	152,9	139,0	9,75	4,15						152,9	139,0	9,75	4,15					152,9	139,0	9,75	4,15					
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	0,0	0,0																																		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	8,3	8,3	7,5	0,5	0,3		29,1	26,4	1,9	0,8		37,4	33,9	2,4	1,1	0	0	0	8,3	8,3	7,5	0,5	0,3	29,1	26,4	1,9	0,8	37,4	34,7	9,4	1,3					
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	0,0	0,0																																		
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	0,0	0,0																																		
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	8,3	8,3	7,5	0,5	0,3	29,1	26,4	1,9	0,8		37,4	33,9	2,4	1,1	8,3	8,3	7,5	0,5	0,3	29,1	26,4	1,9	0,8	37,4	34,7	9,4	1,3									
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	0,0	0,0					3,91	3,6	0,3	0,11		3,91	3,6	0,3	0,11									3,91	3,55	0,25	0,11	3,91	3,55	0,25	0,11					
-	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	0,0	0,0																																		
-	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	0,0	0,0					3,91	3,6	0,3	0,11		3,91	3,6	0,3	0,11									3,91	3,55	0,25	0,11	3,91	3,55	0,25	0,11					
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	3,8	3,8	3,4	0,2	0,2	0,0	3,8	3,8	3,4	0,2	0,2	3,8	3,8	3,4	0,2	0,2	3,8	3,8	3,4	0,2	0,2	0,0	3,8	3,4	0,2	0,2	0,0	3,8	3,4	0,2	0,2	0,0	3,8	3,4	0,2	0,2
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	2,1	2,1	1,9	0,1	0,1		2,1	2,1	1,9	0,1	0,1	2,1	2,1	1,9	0,1	0,1	2,1	2,1	1,9	0,1	0,1		2,1	1,9	0,1	0,1	2,1	1,9	0,1	0,1		2,1	1,9	0,1	0,1	
-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	1,7	1,7	1,5	0,1	0,1		1,7	1,7	1,5	0,1	0,1	1,7	1,7	1,5	0,1	0,1	1,7	1,7	1,5	0,1	0,1		1,7	1,5	0,1	0,1	1,7	1,5	0,1	0,1		1,7	1,5	0,1	0,1	

B 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

TT	Đơn vị	1. Nguồn vốn huy động															2. Kết quả giải ngân																					
		Năm 2024															Năm 2023																					
		Tổng cộng	Nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023					Nguồn bổ trí năm 2023					Tổng nguồn huy động năm 2023					Tổng cộng	Nguồn năm 2023 chuyển sang năm 2024					Nguồn bổ trí năm 2024					Tổng nguồn giải ngân năm 2024									
			Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác		Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác	Công	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Huy động khác					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32					
	TỔNG CỘNG																																					
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo																																					
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng																																					
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp																																					
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng																																					
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững																																					
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn																																					
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng																																					
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững																																					
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin																																					
-	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin																																					
-	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều																																					
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình																																					
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình																																					
-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá																																					

Quang Diêm, ngày tháng 05 năm 2024

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Biểu số 02

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023			6 tháng đầu năm 2024		
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
B	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	200,2	200,2	100,00			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	182	182	100,00			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	18,2	18,2	100,00			
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Số dự án, mô hình giảm nghèo được triển khai (theo từng dự án)							
2,2	Số người được hỗ trợ	Người	24	0	-			
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người	6	0	-			
C	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng							
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	152,9	152,9	100,00			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	139	139	100,00			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	9,75	9,75	100,00			
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng	4,15	4,15	100,00			
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Số dự án, mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai (theo từng dự án)							
2,2	Số người được hỗ trợ	Người	22	0				
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người	4	0				
II	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ						
2,2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ						
2,3	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ						
D	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững							
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp							
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất từ nguồn vốn đầu tư phát triển	Số CSGDNN						
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp	Số CSGDNN						
2,2	Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024			
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
	- Số lượng chuẩn được xây dựng	Ngành/ngh ề						
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia							
	+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực	người						
	+ Thí điểm đánh giá, cấp chứng chỉ	Người						
	+ Đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin	Người						
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp							
	+ Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ/nhà giáo về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng	Người						
	+ Thí điểm xây dựng mô hình	Mô hình						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên	Người						
	- Kết quả thực hiện việc phát triển chương trình, học liệu							
	+ Nghiên cứu xây dựng chương trình	Chương trình						
	+ Rà soát, cập nhật chỉnh sửa chương trình, tài liệu	Chương trình/môn học						
	- Kết quả thực hiện việc phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý							
	+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, năng lực phát triển chương trình dạy học	Người						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề	Người						
	+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin	Người						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học	Người						
	+ Đào tạo theo chương trình khởi sự kinh doanh	Người						
	+ Đào tạo nâng cao năng lực cho người đào tạo trong doanh nghiệp	Người						
	+ Bồi dưỡng cho cán bộ quản lý cơ sở vật chất, thiết bị	Người						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý về nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp kỹ năng số, kỹ năng mềm, ngoại ngữ	Người						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa cán bộ làm công tác pháp chế, thanh tra	Người						
	+ Đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài cho cán bộ quản lý các cấp	Người						
2,3	Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm							
	- Số lượng cuộc điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu	Cuộc điều tra						
	- Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp							
	+ Số sản phẩm tuyên truyền	bài						
	+ Số người được tư vấn hướng nghiệp	Người						
	- Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm...							
	- Số hoạt động tổ chức	Cuộc						
2,4	Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã							
	Số mô hình được triển khai	Mô hình						
2,5	Đào tạo nghề cho người lao động							
	Tổng số người được đào tạo (chia từng đối tượng cụ thể).	Người						
	Người thuộc hộ nghèo	Người						
	Người thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người						
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người						
	Người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người						
	Người mới thoát nghèo	Người						
	Người thuộc hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người						
	Khác	Người						
	Trên địa bàn huyện nghèo	Người						
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023			6 tháng đầu năm 2024		
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Hỗ trợ đào tạo							
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người						
	- Chia theo đối tượng:							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
	+ Lao động nữ							
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ):	Người						
c.	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng						
2,2	Tổng số lao động được hỗ trợ các chi phí khác trong quá trình đào tạo và các thủ tục xuất cảnh	Người						
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng						
2,3	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người						
	- Chia theo đối tượng:							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
	+ Lao động nữ							
2,4	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng							
	- Số lượt người được tư vấn	Người						
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng						
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		37,37	37,37	100			
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	37,37	37,37	100			
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	37,37	37,37	100			
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	33,9	33,9	100			
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng	3,5	3,5	100			
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	3,5	3,5	100			
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện	Triệu đồng						
2,1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin							
a	Số lượng Trung tâm dịch vụ việc làm được hỗ trợ							
b	Số lượng máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp	Máy móc/trang thiết bị						
c	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp	Phần mềm						
2,2	Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc							
a	Người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin	người	4441	4441	100			
	Trong đó:							
	- Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người	352	352	100			
	- Thuộc huyện nghèo	người						
	- Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người						
	- Lao động nữ	người	2145	2145	100			
b	Người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Đơn vị	0	0	0			
2,3	Hỗ trợ giao dịch việc làm							
	- Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm	Phiên/ngày hội						
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị						
	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người						
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người						
	+ Thuộc huyện nghèo	người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người						
	+ Lao động nữ	người						
2,4	Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023			6 tháng đầu năm 2024		
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người	3064	3064	100			
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người	352	352				
	+ Thuộc huyện nghèo	Người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người						
	+ Lao động nữ	Người	1135	1135	100			
2,5	Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động							
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc	1	1	100			
	- Phân tích/dự báo thị trường lao động	Ấn phẩm	4441	4441	100			
2,6	Hỗ trợ kết nối việc làm thành công							
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người						
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người						
	+ Thuộc huyện nghèo	Người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người						
	+ Lao động nữ	Người						
E	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin							
I	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
2,1	Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền							
2.1.1	Số lượng lớp	Lớp						
2.1.2	Số lượng cán bộ	Cán bộ						
2,2	Phát triển các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại							
2.2.1	Thiết lập mới Cụm thông tin điện tử	Cụm						
2.2.2	Nâng cấp Cụm thông tin điện tử	Cụm						
2,3	Trang bị cho các đồn biên phòng hệ thống phương tiện, thiết bị phục vụ thông tin, tuyên truyền	Đồn						
2,4	Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã ở các xã							
2.4.1	Đầu tư thiết lập mới đài truyền thanh xã	Đài						
2.4.2	Nâng cấp, mở rộng đài truyền thanh xã	Đài						
2,5	Tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội							
2.5.1	Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội							
a	Các chương trình phát thanh, truyền hình. Trong đó:							
	- Số lượng chương trình phát thanh	Chương trình						
	- Số lượng chương trình truyền hình	Chương trình						
b	Đối với báo in							
	- Số lượng ấn phẩm	Sản phẩm						
	- Số lượng tờ phát hành	Tờ						
c	Đối với báo điện tử							
	- Số lượng bài/ảnh	bài/ảnh						
	- Số lượng file điện tử	(audio/vid eo)						
	- Các hình thức khác							
d	Đối với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản phẩm)							
2.5.2	Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:							
a	Đối với xuất bản phẩm in							
	- Số đầu sách	đầu sách						
	- Số lượng sách	cuốn						
b	Đối với xuất bản phẩm điện tử							
	- Sách điện tử thông thường	Tác phẩm						
	- Sách nói.	Tác phẩm						
	- Sách Multimedia.	Tác phẩm						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024			
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
	- Sách tóm tắt.	Tác phẩm						
2.5.3	Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng							
	- Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm						
	- Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm						
2.5.4	Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử							
	- Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm						
	- Số lượng sách nói	Tác phẩm						
	- Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm						
2.5.5	Các sản phẩm truyền thông khác							
II	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều							
I	Tổng ngân sách, trong đó:		3,91	0	0			
1,1	Ngân sách trung ương		3,55	0	0			
1,2	Ngân sách địa phương		0,36	0	0			
1,3	Huy động nguồn khác							
2	Kết quả thực hiện							
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip						
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm						
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện							
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc						
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc	1	1	100			
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm						
	+ Số lượng sách	Cuốn						
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo							
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại						
	+ Số người tham gia đối thoại	Người	42	42	100			
G	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình							
I	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	2,1	2,1	100			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	1,9	1,9	100			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0,2	0,2	100			
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ						
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp	1	1	100			
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người	42	42	100			
II	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá							
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	1,7	1,7	100			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	1,5	1,5	100			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0,2	0,2	100			
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng	0	0				
2	Kết quả thực hiện							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2023			6 tháng đầu năm 2024		
			Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện Chương trình	
				cả năm	% so với kế hoạch năm 2023		6 tháng đầu năm	% so với kế hoạch đầu năm
	Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn	1	1	100			

Quang Diệm, ngày háng 05 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tống Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
thuộc Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Biểu 05

Stt	Tên Dự án giảm nghèo	Quy mô hoạt động	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó				Thời gian thực hiện	Hợp tác với doanh nghiệp (nêu rõ)	Số hộ tham gia	Trong đó					Đơn vị đề xuất dự án	Số hộ tham gia tập huấn, nâng cao năng lực					Thời lượng tập huấn (số ngày, tuần)	% kinh phí NCN L/tổng vốn của Dự án	Kết thúc chu kỳ sản xuất/kết thúc dự án				
					Nguồn ngân		Đóng góp của người hưởng					Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTT S	Số phụ nữ được hỗ trợ	Tổng số hộ		Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTT S	Năng suất tăng (nếu rõ)	Sản lượng tăng (nếu rõ)			Nâng cao chất lượng (nếu rõ)	Tăng thu nhập (nếu rõ mức tăng)			
					NS T W	NS ĐP	Bảng tiền	Bảng hiện vật quy đổi ra tiền																					
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
I	Năm 2023																												
1	Dự án Phát triển mô hình chăn nuôi Dê	Hỗ trợ 05 hộ nghèo, 19 hộ CN và 01 hộ SXKD giỏi phát triển mô hình chăn nuôi dê	UBND xã Quang Diệm	333,73	182	18,2		133,53	Quý III năm 2023	HTX dịch vụ tổng hợp Như Gia	25	5	19	1					24	5	19			1 ngày	0,5999				
2	Dự án...																												
3	...																												
I	6 tháng đầu năm 2024																												
1	Dự án...																												
2	Dự án...																												
3	...																												
	TỔNG CỘNG																												

Quang Diệm, ngày tháng 05 năm 2024

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

**Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp
thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024**

Biểu số 06

Stt	Tên dự án	Quy mô hoạt động	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó				Thời gian thực hiện	Hợp tác với DN (nếu rõ)	Tổng số hộ tham gia	Trong đó						Đơn vị đề xuất dự án	% kinh phí NCNL/ tổng vốn của Dự án	Kết thúc chu kỳ sản xuất/ kết thúc dự án				% thực hiện/ KH phê duyệt	Số người được tập huấn	Trong đó					Thời lượng tập huấn (số ngày, tuần)	Sau khi kết thúc tập huấn				
					Nguồn ngân sách		Đóng góp của người hưởng					Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTT S	Số hộ có thành viên là NCC	Số phụ nữ được hỗ trợ			Năng suất tăng (nếu rõ)	Sản lượng tăng (nếu rõ)	Năng cao chất lượng (nếu rõ)	Tăng thu nhập (nếu rõ mức tăng)			Số cán bộ làm công tác giảm nghèo (3 cấp)	số người thuộc hộ nghèo	Số người thuộc hộ cận nghèo	Số người thuộc hộ mới thoát nghèo	Số người DTT S		% số cán bộ sử dụng trong quản lý, điều hành công việc	% người dân áp dụng sau tập huấn			
					NS TW	NS ĐP	Bảng tiền	Bảng ngày công hoặc hiện vật quy ra tiền																												
A	B	C	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	28			
I	Năm 2023																																			
1	Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023	22	UBND xã Quang Diệm	152,90	139,0	13,9		171,2	Năm 2023		22	4	12	6			2	UBND xã Quang Diệm						100	22		4	12	6	0	1 ngày		100			
1																																				
2																																				
3																																				
	Tập huấn, tư vấn,																																			
1	Loại tập huấn																																			
2	Nội dung tập huấn																																			
3	Hình thức tập huấn																																			
I	6 tháng đầu năm 2024																																			
	Dự án hỗ trợ																																			
1																																				
	Tập huấn, tư vấn,																																			
1	Loại tập huấn																																			
2	Nội dung tập huấn																																			
3	Hình thức tập huấn																																			

Quang Diệm, ngày tháng 05 năm 2024

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

STT	Loại hoạt động (theo nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án)	Nội dung (các nội dung được hỗ trợ theo từng hoạt động của Tiểu dự án)	Cấp thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó			Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo						Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi)				Kết quả thực hiện					
					NSTW	NSDP	Huy động			Số trẻ <5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số phụ nữ có thai được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi thể thấp còi	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi thể gầy còm	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ từ trên 5 đến dưới 16 tuổi thể thấp còi	Chênh so với đầu kỳ (Tăng (+), Giảm (-))	Chênh so với đầu kỳ (Tăng (+), Giảm (-))	Chênh so với đầu kỳ (Tăng (+), Giảm (-))
					2	3	4			7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
A	B	C	E	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Năm 2023																								
II	6 tháng đầu năm 2024																								
TỔNG CỘNG																									

.....ngày tháng năm

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Người lập

Lưu ý:

- Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng
- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn
thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Biểu 08

Stt	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp/Tên đơn vị thực hiện	Nội dung, hoạt động cụ thể (theo nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án)	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó			Thời gian thực hiện	Kế hoạch triển khai thực hiện										Kết quả, tiến độ thực hiện																			
				NSTW	NSDP	Huy động		1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp		2. Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý		3. Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm		4. Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã		5. Đào tạo nghề cho người lao động		1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp		2. Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý		3. Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm		4. Phát triển mô hình gắn kết GDNN với doanh nghiệp, hợp tác xã		5. Đào tạo nghề cho người lao động											
								Đvt	Số lượng	Đvt	Số lượng	Đvt	Số lượng	Đvt	Số lượng	Đvt	Số lượng	Đvt	Số lượng	Trong đó: nữ	Số lượng	Tỷ lệ % đạt được so KH	Số lượng	Tỷ lệ % đạt được so KH	Số lượng	Tỷ lệ % đạt được so KH	Số lượng	Tỷ lệ % đạt được so KH	Số lượng	Tỷ lệ % đạt được so KH	Tổng người được đào tạo	Thuộc hộ nghèo		Thuộc hộ cận nghèo		Thuộc hộ mới thoát	
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	27	28	29	30	31	32	33	34	35	
I	Năm 2023																																				
II	6 tháng đầu năm																																				
TỔNG CỘNG																																					

Quang Diệm, ngày tháng 05 năm 2024

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tống Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Stt	Nội dung	1. Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin		2. Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc				3. Hỗ trợ giao dịch việc làm				4. Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư		5. Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động		6. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công				
		Số máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp (máy móc/trang thiết bị)	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp (phần mềm)	Số người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin (đơn vị)	Số người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin (người)			Số phiên giao dịch việc làm/ngày hội việc làm (Phiên/ngày hội)	Số doanh nghiệp, HTX, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia (đơn vị)	Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ			Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin (người)		Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động (cuộc)	Phân tích/dự báo thị trường lao động (ấn phẩm)	Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết HĐLĐ) (người)			
					Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó		
						Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Tổng				Trong đó: nữ	Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo		Tổng				Trong đó: nữ	Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Tổng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Huy động khác																			
II	2. Kết quả thực hiện																			
1																				
2																				
...																				

Quang Diệm, ngày tháng 05 năm 2024

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

5.2.2	Đôi với báo in																		
	+ Số lượng ấn phẩm	Sản phẩm																	
	+ Số lượng tờ phát hành	Tờ																	
5.2.3	Đôi với báo điện tử																		
	+ Số lượng bài/ảnh	bài/ảnh																	
	+ Số lượng file điện tử	(audio/video)																	
	+ Các hình thức khác																		
5.2.4	Đôi với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản phẩm)																		
5,2	Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:																		
5.2.1	Đối với xuất bản phẩm in																		
	+ Số đầu sách	đầu sách																	
	+ Số lượng sách	cuốn																	
5.2.2	Đối với xuất bản phẩm điện tử																		
	+ Sách điện tử thông thường	Tác phẩm																	
	+ Sách nói.	Tác phẩm																	
	+ Sách Multimedia.	Tác phẩm																	
	+ Sách tóm tắt.	Tác phẩm																	
5,3	Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng																		
	+ Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm																	
	+ Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm																	
5,4	Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử																		
	+ Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm																	
	+ Số lượng sách nói	Tác phẩm																	
	+ Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm																	
5,5	Các sản phẩm truyền thông khác																		

Quang Diệm, ngày tháng năm 2024

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Thông tin giám sát hoạt động truyền thông về giảm nghèo đa chiều
thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm

Biểu số 13

TT	Loại hoạt động truyền thông	Nội dung truyền thông	Phương tiện truyền thông	Đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện	Tổng vốn	Trong đó			Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số người được truyền thông	Trong đó					Ngôn ngữ sử dụng					
						NST W	NSĐ P	Huy động				Nghèo o	Cận nghèo	Mới thoát nghèo	DTT S	Phụ nữ						
A	B	C	D	F	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13					
Năm 2023																						
1	Hội nghị sơ kết	Sơ kết phong trào thi đua "Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025	Trực tiếp	Quang Diệm	3,91	3,55	0,36		01 ngày	Hội trường UBND xã Quang Diệm	175	75	82	22		35	(có dùng tiếng DTTS không, nếu có nêu rõ)					
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
9																						
6 tháng đầu năm 2024																						
1	(chương trình phát thanh, truyền hình; diễn đàn chính sách; hội thi; và khác - nêu rõ)	(phổ biến chính sách, gương giảm nghèo, khác - nêu rõ)	(phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo giấy, tờ rơi, trực tiếp...)							(chi báo cáo khi hoạt động có địa điểm thực hiện được xác định)	(chi báo cáo khi hoạt động có thông kê được số người nhận tin)						(có dùng tiếng DTTS không, nếu có nêu rõ)					
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
9																						
TỔNG CỘNG																						

Quang Diệm, ngày tháng 5 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 7
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Biểu số 14

TT	Loại hoạt động NCNL	Nội dung NCNL	Đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện	Tổng vốn	Trong đó			Thời gian thực hiện	Giảng viên	Số người tham gia	Trong đó							Cấp chủ đầu tư				
					NSTW	NSĐP	Huy động				Cán bộ cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Cán bộ cấp	Trưởng thôn	Số cán bộ nữ	Cán bộ DTTS	Cộng đồng	huyện	tỉnh			
A	B	C	D	1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
	Năm 2023																					
1	Tập huấn	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác giảm nghèo năm 2023 trên địa bàn xã Quang Diệm	UBND xã Quang Diệm	2,1	1,9	0,2		T8/2023	Cán bộ xã	42			0	14	21	0	0					
	6 tháng đầu năm 2024																					
1	(tập huấn TOT, tập huấn ngắn hạn, thăm quan học hỏi kinh nghiệm, ...)	(NCNL lập kế hoạch, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, bình đẳng giới, tiếp cận nhân học...)						(ghi rõ số ngày thực hiện)	(trưởng, cán bộ tỉnh, cán bộ huyện, khác - nêu rõ)													
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
9																						

Người tổng hợp

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn

Thông tin giám sát hoạt động giám sát, đánh giá thuộc Tiêu dự án 2 Dự án 7
năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Biểu số 15

TT	Loại hoạt động giám sát, đánh giá	Nội dung giám sát, đánh giá	Đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện	Tổng vốn	Trong đó			Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát, đánh giá		
					NSTW	NSDP	Huy động		Cấp huyện	Cấp xã	Thôn
A	B	C	D	I	2	3		4	8	9	10
	Năm 2023										
1	Giám sát	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm	UBND xã Quang Diệm	1,7	1,5	0,2		Định kỳ			x
	6 tháng đầu năm 2024										
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
	TỔNG CỘNG										

Quang Diệm, ngày tháng 05 năm 2024

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập

Tổng Thị Huyền Trang

Lê Trường Sơn